

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN L  
TỈNH Y**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2021/HNGĐ- ST  
Ngày 28-12-2021  
V/v tuyên bố không công  
nhận quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y**  
***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Ngọc Mai

- Bà Đoàn Thị Mến

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:* Bà Diễm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 151/2021/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 17-11-2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02-12-2021; thông báo mở lại phiên tòa số 30 ngày 15 tháng 12 năm 2021 giữa;

*Nguyên đơn:* Anh Triệu Hữu Đ, sinh năm 1973- Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Y

*Bị đơn:* Chị La Thị N, sinh năm 1968- Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Y

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 06-10-2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Triệu Hữu Đ trình bày: Anh Đ và chị La Thị N có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991. Do trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên anh Đ và chị N không đến Ủy ban nhân dân xã T làm thủ tục đăng ký kết hôn vì vậy anh chị không có đăng ký kết hôn. Anh Đ và chị N chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị N hay ghen

tuông vô cớ. Anh Đ và chị N đã sống ly thân từ năm 2015. Nay anh Đ xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

Về con chung: Anh Đ và chị N có hai con chung, tên là Triệu Văn T, sinh ngày 10-7-1993 và cháu Triệu Thị Đ, sinh ngày 13-7-1995. Vì các con chung trên 18 tuổi đã trưởng thành anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn chị La Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành giải quyết vụ án, nhưng chị N vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến:* Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 14, 53 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đ và chị N; anh Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án huyện L là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về tư cách người tham gia tố tụng:* Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] *Về tình cảm:* Anh Triệu Hữu Đ và chị La Thị N có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh Đ có yêu cầu xin ly hôn chị N, căn cứ vào các quy định của luật Hôn nhân và gia đình để xem xét mối quan hệ giữa hai người. Thấy rằng việc anh Đ và chị N có quan hệ chung sống với nhau không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 14 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên cần áp dụng quy định này và Khoản 2 Điều 53 luật

Hôn nhân và gia đình năm 2014, để Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đ và chị N.

[4] *Về con chung*: Anh Đ và chị N có hai con chung, tên là Triệu Văn T, sinh ngày 10-7-1993 và Triệu Thị Đ, sinh ngày 12-7-1995. Vì các con chung trên 18 tuổi đã trưởng thành anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] *Về án phí*: Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

***Vì các lẽ trên***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng vào khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- *Về quan hệ hôn nhân xử*: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Triệu Hữu Đ và chị La Thị N.

2- *Về án phí*: Anh Triệu Hữu Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) anh Đ đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2021/0002007 ngày 06-10-2021 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Anh Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3- *Quyền kháng cáo*: Anh Triệu Hữu Đ, chị La Thị N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Hội thẩm nhân dân**

***Nơi nhận:***

- TA Tỉnh Y;
- VKS L;
- CCTHA L;
- UBND xã T;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**  
**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Văn Anh**